

# Sự tham gia của người dân trong phát triển du lịch Phan Thiết: Tiếp cận từ Mô hình MOA

Đỗ Anh Kiệt<sup>1,\*</sup>, Phạm Thị Thúy Nguyệt<sup>1</sup>, Phan Sinh Tài<sup>2</sup>



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

## TÓM TẮT

Nghiên cứu này phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của người dân Phan Thiết vào phát triển du lịch dựa trên Mô hình Động lực - Cơ hội - Khả năng đã được hiệu chỉnh cho phù hợp với bối cảnh địa phương. Khảo sát được tiến hành với 250 cư dân sinh sống lâu năm tại địa phương, thông qua bộ thang đo được xây dựng dựa trên tổng hợp lý thuyết và được kiểm định tính phù hợp thông qua phản biện chuyên gia, cũng như khảo sát thử nghiệm trước khi triển khai chính thức. Kết quả cho thấy Mô hình Động lực - Cơ hội - Khả năng giải thích tốt hành vi tham gia của người dân ( $\text{Adjusted } R^2 = 0.518$ ), trong đó Khả năng là yếu tố tác động mạnh nhất, tiếp theo là Nguyên vọng và Các điều kiện thuận lợi. Mặc dù người dân có nhận thức tích cực về lợi ích của du lịch, nhưng những hạn chế về kỹ năng, kiến thức, năng lực tài chính và sự thiếu minh bạch trong cơ chế tham gia vẫn làm giảm mức độ tham gia thực tế. Nghiên cứu này đã đóng góp bằng việc kiểm định thực nghiệm Mô hình Động lực - Cơ hội - Khả năng trong bối cảnh đô thị du lịch ven biển và làm rõ vai trò của từng nhóm nhân tố đối với hành vi tham gia. Dựa trên các phát hiện này, nghiên cứu đề xuất các khuyến nghị và hàm ý chính sách nhằm tăng cường, hỗ trợ và nâng cao sự tham gia của cộng đồng trong quá trình phát triển du lịch địa phương.

**Từ khóa:** nguyên vọng người dân, sự tham gia, phát triển du lịch, Mô hình MOA

## ĐẶT VẤN ĐỀ

Phan Thiết trước đây là thành phố thuộc tỉnh Bình Thuận<sup>a</sup>, có vị trí chiến lược trong phát triển du lịch biển nhờ sở hữu hệ thống bãi biển đẹp, tài nguyên du lịch phong phú và điều kiện khí hậu thuận lợi để phát triển du lịch. Do đó năm 2021, UBND tỉnh Bình Thuận đã ban hành Quyết định số 927/QĐ-UBND về việc phê duyệt Đề án Phát triển đô thị Phan Thiết đến năm 2030, thành phố đặt mục tiêu trở thành trung tâm du lịch biển mang tầm quốc gia và quốc tế.

Để cụ thể hóa và triển khai thực hiện có hiệu quả, ngày 22/6/2023 UBND tỉnh Bình Thuận đã đưa ra Công văn số 2244 để xây dựng kế hoạch, quyết tâm triển khai thực hiện hoàn thành trước năm 2030 với mục tiêu mở rộng thành phố Phan Thiết nhằm phát triển không gian kiến trúc đô thị hài hòa, cân đối; tăng cường khả năng tiếp cận biển, phát triển các đô thị du lịch sinh thái hướng biển, gắn với cải thiện không gian ven biển, không gian xanh, tăng diện tích không gian công cộng để phục vụ cộng đồng. Nhờ sự định hướng và đầu tư mà thành phố Phan Thiết đang nổi lên như một trung tâm đô thị du lịch biển có tầm ảnh hưởng lớn trong khu vực Nam Trung Bộ. Tuy nhiên,

quá trình này cũng đặt ra những vấn đề cấp thiết về quản lý tại điểm đến như tình trạng quá tải hạ tầng, ô nhiễm môi trường biển, mất cân bằng sinh thái, và đặc biệt là nguy cơ “đô thị hóa không đồng thuận” khiến người dân địa phương có thể cảm thấy bị gạt ra bên lề của quá trình phát triển. Bên cạnh đó, lý thuyết phát triển bền vững cho rằng mọi sự phát triển cần lấy con người làm trung tâm<sup>1,2</sup>, và trong lĩnh vực du lịch, nhiều nghiên cứu cũng đã chỉ ra rằng để du lịch được phát triển bền vững thì không thể thiếu sự tham gia có hiểu biết của tất cả các bên liên quan, đặc biệt là người dân địa phương<sup>3-6</sup>. Vì vậy, việc thừa nhận vai trò và khuyến khích người dân vào bất kỳ kế hoạch phát triển du lịch nào cũng đều cần thiết. Tuy nhiên trong thực tế, đặc biệt là ở các nước đang phát triển, thì người dân địa phương thường bị gạt ra khỏi quá trình định hướng và triển khai thực hiện kế hoạch dẫn đến sự mâu thuẫn giữa người dân địa phương và các bên liên quan khác<sup>3,7,8</sup>, đồng thời dẫn đến sự phẫn nộ từ cộng đồng do thiếu sự tham vấn, minh bạch và đồng thuận trong quá trình triển khai<sup>4,5,9</sup>. Điều này cho thấy, để tránh lặp lại những hệ lụy không mong muốn, cần phải chú trọng khảo sát và đánh giá đúng mức nguyên vọng, nhận thức và mức độ sẵn sàng tham gia của người dân địa phương vào quá trình phát triển vì họ không chỉ là đối tượng bị ảnh hưởng bởi các chính

<sup>1</sup>Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

<sup>2</sup>Trường Đại học Đà Lạt, Việt Nam

## Liên hệ

Đỗ Anh Kiệt, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

Email: kietda1712@gmail.com

## Lịch sử

- Ngày nhận: 05-01-2026
- Ngày sửa đổi: 24-04-2026
- Ngày chấp nhận: 12-06-2026
- Ngày đăng: 28-09-2026

DOI: <https://doi.org/10.32508/vnuhcmjssh.v10i3.1266>



## Bản quyền

© Tạp chí ĐHQG-HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution4.0 International license.

<sup>a</sup>Kể từ sau sáp nhập địa giới hành chính ngày 01/7/2025, tỉnh Bình Thuận đã được sáp nhập cùng với tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Đắk Nông để trở thành tỉnh Lâm Đồng mới.

**Trích dẫn bài báo này:** Kiệt D A, Nguyệt P T T, Tài P S. Sự tham gia của người dân trong phát triển du lịch Phan Thiết: Tiếp cận từ Mô hình MOA. VNUHCMJ. Soc. Sci. Humanit. 2026;10(3):4181-4192.

sách phát triển, mà còn là chủ thể có thể đóng góp trí tuệ, công sức và văn hóa bản địa trong quá trình triển khai kế hoạch và vận hành du lịch. Tuy nhiên, đối với các nghiên cứu trước đây, việc đo lường thái độ và sự tham gia của người dân thường dựa trên các lợi ích nhận thức được theo các lý thuyết phổ biến như Trao đổi xã hội (SET), lý thuyết Hành vi có kế hoạch (TBP), lý thuyết Hành động hợp lý (TRA)<sup>8,10-12</sup> do đó các nghiên cứu chỉ đánh giá sự tham gia dựa trên nhận thức của người dân về các tác động của du lịch mà không xét đến các điều kiện nội và ngoại tại tác động đến sự tham gia. Do đó nghiên cứu này nỗ lực cung cấp thêm một cách thức đánh giá sự tham gia dựa trên Mô hình lý thuyết Động lực - Cơ hội - Khả năng nhằm làm rõ các điều kiện thúc đẩy sự tham gia của người dân trong phát triển du lịch

## CƠ SỞ LÝ THUYẾT

### Sự tham gia của người dân trong phát triển du lịch

Sự tham gia của người dân địa phương đóng vai trò quan trọng để du lịch được phát triển bền vững vì họ có sự gắn bó và hiểu biết về địa phương, do đó các ý kiến của người dân giúp cho cơ quan chính quyền có thêm thông tin hữu ích về tình hình thực tế tại địa phương<sup>3,4</sup>, đồng thời họ cũng góp phần nâng cao sự hài lòng của khách du lịch tại điểm đến<sup>13</sup>. Tuy nhiên rất khó để đưa ra một khái niệm chung về sự tham gia của người dân trong phát triển du lịch<sup>3</sup>, điều này bắt nguồn từ những khác biệt về thể chế, địa lý và văn hóa của mỗi quốc gia<sup>3,5,14</sup>. Trong thực tế, sự tham gia của người dân địa phương rất đa dạng, tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau như chủ động, bị động, trực tiếp, gián tiếp, v.v. và ở nhiều mức độ khác nhau tùy thuộc vào những trường hợp cụ thể<sup>8</sup>. Nhưng nhìn chung các nghiên cứu về sự tham gia của người dân thường hướng đến 02 góc độ: (1) Sự tham gia của người dân trong quá trình ra quyết định; (2) Sự tham gia của người dân khi chia sẻ lợi ích từ du lịch<sup>3,7</sup>. Nhưng dù ở góc độ nào, việc đánh giá mức độ tham gia của người dân cũng đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hiệu quả của quá trình phát triển du lịch. Thông qua nhiều nghiên cứu, Tosun cho rằng sự tham gia của người dân địa phương trong du lịch có thể được chia thành 03 mức độ đó là: (1) Tham gia mang tính chất bị ép buộc; (2) Tham gia do bị tác động (bị xui khiến, khích lệ), và (3) Tham gia một cách tự phát<sup>15</sup>. Trong đó, với mức độ *tham gia mang tính chất ép buộc*, Tosun cho rằng đây là hình thức tham gia theo hướng từ trên xuống, trong đó người dân địa phương giữ vai trò bị động và hầu như chỉ tham gia một cách gián tiếp hoặc mang tính hình thức<sup>3</sup>. Sự tham gia chủ yếu

diễn ra ở giai đoạn thực thi, chứ không phải trong quá trình hoạch định hay ra quyết định, và người dân cũng không nhất thiết được hưởng lợi trực tiếp từ du lịch. Trong nhiều trường hợp, họ chỉ được đưa ra một số phương án đã được đề xuất sẵn, thậm chí không có quyền lựa chọn. Điều này dẫn đến việc cộng đồng hoặc là không tham gia, hoặc chỉ tham gia một cách biểu tượng, thiếu sự gắn kết và tính thực chất. Tương tự với hình thức tham gia này nhưng có sự cải thiện hơn, việc *tham gia do bị tác động* cũng được xem là hình thức tham gia từ trên xuống, mang tính gián tiếp và hình thức. Người dân được lắng nghe, chia sẻ ý kiến và có thể tham gia vào giai đoạn tổ chức, triển khai cũng như hưởng một phần lợi ích từ du lịch. Tuy nhiên, họ không có quyền quyết định thực chất, vì ý kiến thường bị đặt sau lợi ích của các nhóm có quyền lực hơn. Về bản chất, cộng đồng chỉ được khuyến khích ủng hộ các quyết định đã có sẵn. Đây là hình thức phổ biến ở nhiều quốc gia đang phát triển<sup>3,4,15</sup>. Và cuối cùng là mức độ *tham gia tự phát*, đây hình thức tham gia tiến bộ nhất, từ dưới lên, mang tính trực tiếp và thực chất, trong đó người dân được tham gia đầy đủ vào quá trình hoạch định, ra quyết định và tổ chức thực hiện. Ở mức độ này, cộng đồng có trách nhiệm quản lý và quyền tự chủ trong việc định hướng và triển khai các hoạt động du lịch, nhằm đạt được mục tiêu chung. Đây được xem là mức độ tham gia lý tưởng, phản ánh sự gắn kết và trao quyền thực sự cho người dân. Mô hình này được cho là phù hợp khi áp dụng để đánh giá mức độ tham gia của người dân trong lĩnh vực du lịch<sup>3,12,15</sup>.

### Mô hình MOA và sự tham gia của người dân

Mô hình MOA hay còn gọi là Lý thuyết Động lực - Cơ hội - Khả năng được đề xuất và phát triển bởi MacInnis và Jaworski vào cuối thập niên 80. MacInnis và Jaworski cho rằng quá trình xử lý thông tin và ra quyết định gồm ba bước: tiến đề, quá trình và kết quả<sup>16</sup>. Cụ thể, để bắt đầu xử lý thông tin và ra quyết định, người ta cần có đủ động lực để muốn tham gia vào quá trình, một cơ chế hay cơ hội phù hợp để tham gia vào quá trình và khả năng tiến hành quá trình đó. Do đó, Mô hình MOA có thể dùng để mô tả các tiến đề và yếu tố dự báo của quá trình ra quyết định<sup>6,17-19</sup>.

Ban đầu Mô hình MOA được sử dụng trong việc thấu hiểu hành vi của người tiêu dùng, bao gồm cả việc giải thích quá trình xử lý thông tin của cá nhân và hành vi chia sẻ thông tin giữa các cá nhân với nhau<sup>6,17</sup>. Do đó mô hình này cũng được ứng dụng rộng rãi trong lĩnh vực marketing, kinh doanh, điều tra tội phạm, v.v.<sup>6</sup>. Tuy nhiên, sự tham gia của người dân cũng là một quá trình ra quyết định mà ở đó người dân dưới góc

độ tham gia vào cả quá trình hoặc một phần của quá trình phát triển du lịch<sup>4,15,20</sup>. Do đó Mô hình MOA có thể được áp dụng như một công cụ đo lường sự tham gia của người dân trong phát triển du lịch.

Trong Mô hình MOA, ba yếu tố động lực, cơ hội và khả năng cũng được định nghĩa cho phù hợp với nội dung nghiên cứu. Trong đó:

- Động lực (Motivation) được hiểu là những nguyện vọng, mong muốn, khát khao mang tính thúc đẩy khởi đầu cho chuỗi sự kiện được gọi là “hành vi”<sup>21</sup>. Trong các nghiên cứu về du lịch, động lực thường được tìm hiểu dưới góc độ nhận thức của người dân về tác động của du lịch đến kinh tế, văn hóa - xã hội và môi trường của địa phương hay điểm đến<sup>18,19</sup>. Tuy nhiên, Hung và cộng sự cho rằng con người sẽ thực hiện hành vi tốt hơn nếu động lực phù hợp ở mức độ cá nhân<sup>6</sup>. Nghĩa là xuất phát từ nguyện vọng hay khao khát của họ. Hay nói cách khác, động lực tham gia của người dân trong phát triển du lịch không chỉ đến từ nhận thức của họ về tác động du lịch mà cần đến từ lợi ích trực tiếp mà họ mong muốn nhận được<sup>17</sup>. Do đó những người dân nhận thấy sự gia tăng lợi ích cá nhân từ du lịch khi nguyện vọng được thực hiện sẽ có nhiều khả năng ủng hộ sự phát triển của du lịch hơn những người không nhận thấy lợi ích trực tiếp đến bản thân họ<sup>6,17</sup>. Chính vì vậy trong nghiên cứu này, yếu tố động lực được tìm hiểu dưới góc nhìn nguyện vọng của người dân về kinh tế, văn hóa - xã hội và môi trường mà họ nhận được chứ không tìm hiểu dưới góc độ tác động của du lịch đối với địa phương hay điểm đến.

- Cơ hội (Opportunity): Trong bối cảnh xử lý thương hiệu, cơ hội được định nghĩa là tình huống mà các điều kiện được thể hiện trong quá trình tiếp xúc với quảng cáo trở nên thuận lợi cho việc xử lý thương hiệu<sup>17</sup>. Tuy nhiên trong du lịch, cơ hội được hiểu là những điều kiện về xã hội và chính trị thuận lợi cho sự tham gia của người dân<sup>18,19</sup>. Tosun cho rằng chính các chiến lược rõ ràng và hỗ trợ pháp lý sẽ giúp người dân địa phương có thêm điều kiện thuận lợi để tham gia vào quá trình phát triển du lịch<sup>3</sup>. Bên cạnh đó, nhiều học giả cho rằng sự tham gia không thể hình thành nếu không tồn tại các cơ hội chính trị hoặc một kênh truyền thông minh bạch giữa các nhà phát triển du lịch và cộng đồng<sup>6</sup>. Do đó trong nghiên cứu này yếu tố cơ hội trong Mô hình MOA được hiểu là những điều kiện thuận lợi về mặt thể chế sẽ tác động đến mức độ tham gia của người dân. Yếu tố này cũng là thành phần quan trọng của du lịch bền vững.

- Khả năng (Ability): Trong Mô hình MOA, khả năng thường đề cập đến các điều kiện chủ quan cần thiết để một cá nhân hoàn thành một hành vi cụ thể<sup>17</sup>. Theo đó, khả năng bao gồm nhận thức, kinh nghiệm,

kiến thức, kỹ năng, khả năng tiếp cận thông tin và nguồn lực tài chính của cộng đồng<sup>6</sup>. Trong bối cảnh du lịch, nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng nhận thức và tri thức của người dân chính là nền tảng tạo nên năng lực tham gia<sup>3,15</sup>. Tuy nhiên người dân địa phương, đặc biệt là ở các quốc gia thu nhập thấp, thường chưa được chuẩn bị cho sự phát triển du lịch địa phương do thiếu kinh nghiệm du lịch và thiếu nhận thức về nhu cầu cũng như lợi ích của phát triển du lịch<sup>6</sup>. Do đó, việc bồi dưỡng nhận thức và năng lực tham gia chủ động của người dân vào quá trình phát triển du lịch có ý nghĩa to lớn đối với sự hình thành và thành công của sự tham gia cộng đồng<sup>18,19</sup>. Vì vậy, việc đánh giá khả năng sẽ góp phần tạo ra các giải pháp thúc đẩy sự tham gia của người dân địa phương.

Như vậy, dựa trên việc tổng hợp các lý thuyết và đánh giá tài liệu, tác giả xác định có 03 nhóm yếu tố có thể tác động đến sự tham gia của người dân địa phương trong quá trình phát triển đô thị du lịch hướng biển, bao gồm: (1) Nguyện vọng của người dân, (2) Thuận lợi của người dân, và (3) Khả năng của người dân.

Trong đó, nhóm yếu tố nguyện vọng bao gồm các mong muốn của người dân đối với khía cạnh kinh tế, văn hóa - xã hội và môi trường. Nhóm yếu tố thuận lợi là những điều kiện về thể chế xã hội và cuối cùng là năng lực nội tại của người dân, thông qua khả năng và điều kiện về kiến thức, kỹ năng và năng lực tài chính. Từ những yếu tố trên, nhóm tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu ở Hình 1 và các giả thuyết nghiên cứu như sau:

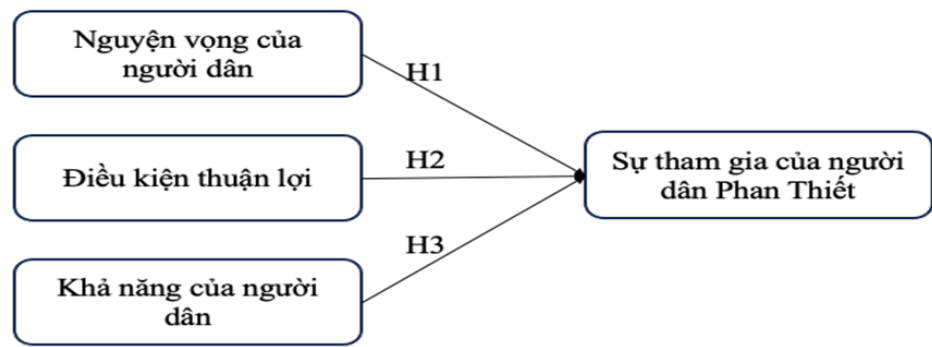
### Giả thuyết của mô hình

- H1: Nguyện vọng về kinh tế, văn hóa - xã hội và môi trường tác động đến sự tham gia của người dân
- H2: Các điều kiện thuận lợi về thể chế tác động đến sự tham gia của người dân
- H3: Khả năng của người dân tác động đến sự tham gia của người dân.

## PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### Giới thiệu về địa bàn nghiên cứu

Thành phố Phan Thiết là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của tỉnh Bình Thuận (nay là tỉnh Lâm Đồng), đồng thời giữ vai trò là một trong những đô thị ven biển chiến lược của khu vực Nam Trung Bộ. Với diện tích tự nhiên 206,45km<sup>2</sup> và bờ biển dài 57,04km, thành phố có điều kiện thuận lợi để phát triển các ngành kinh tế biển, đặc biệt là dịch vụ và du lịch. Phan Thiết nổi tiếng với nhiều tài nguyên du lịch biển đặc sắc như Mũi Né, Hòn Rơm, đồi cát bay, cùng với hệ thống di tích văn hóa - lịch sử và các làng nghề truyền thống, qua đó hình thành thương hiệu “thành phố



Hình 1: Mô hình nghiên cứu đề xuất (Nguồn: Nhóm tác giả)

biển - nghỉ dưỡng” gắn liền với hình ảnh “nắng vàng, cát trắng”.

Theo Nghị quyết số 1253/NQ-UBTVQH15 được ban hành ngày 24/10/2024, thành phố có 11 phường và 04 xã, trong đó 09 đơn vị hành chính giáp biển<sup>22</sup>. Đây là không gian tập trung hầu hết các hoạt động du lịch trọng điểm, nơi vừa diễn ra sự phát triển mạnh mẽ của hệ thống cơ sở lưu trú, dịch vụ, vừa bảo tồn các giá trị sinh kế truyền thống như đánh bắt hải sản, chế biến nước mắm và các lễ hội văn hóa biển. Chính sự đan xen giữa hiện đại hóa du lịch và bản sắc cộng đồng ven biển tạo nên những thay đổi đáng kể trong đời sống cư dân, đặt ra yêu cầu nghiên cứu về nguyện vọng và mức độ tham gia của họ trong phát triển du lịch.

Việc lựa chọn khảo sát tại các địa phương ven biển Phan Thiết xuất phát từ hai lý do chính. Thứ nhất, đây là khu vực chịu tác động trực tiếp nhất của các hoạt động phát triển du lịch, từ việc sử dụng không gian biển - bờ biển đến thay đổi sinh kế và văn hóa cộng đồng. Thứ hai, người dân ven biển vừa là đối tượng dễ bị tổn thương trước các áp lực phát triển, vừa là chủ thể có vai trò quan trọng trong việc bảo tồn tài nguyên, duy trì bản sắc và tham gia vào chuỗi giá trị du lịch. Do vậy, nghiên cứu tại khu vực này không chỉ phản ánh đặc trưng của Phan Thiết mà còn mang tính đại diện cho các đô thị biển đang phát triển ở Việt Nam.

### Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp chính là định lượng thông qua việc thu thập dữ liệu bằng bảng hỏi. Phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi được Sir Francis Galton, một nhà nhân chủng học, nhà thám hiểm và nhà thống kê người Anh, phát minh vào cuối thế kỷ 19<sup>23</sup>. Phương pháp này được xem là phương pháp hiệu quả để thu thập lượng lớn ý kiến của người dân

trong thời gian giới hạn<sup>24</sup>, đồng thời cũng cho tỷ lệ phản hồi tốt hơn<sup>12</sup>. Quá trình thực hiện thông qua 02 giai đoạn

#### Giai đoạn 1: Nghiên cứu sơ bộ để xây dựng thang đo

Phương pháp tổng quan hệ thống được sử dụng ban đầu để lựa chọn các tài liệu phục vụ cho việc xây dựng thang đo. Theo Rother, phương pháp này giúp hạn chế việc sử dụng các tài liệu không phù hợp hoặc chưa thực sự liên quan đến quá trình xây dựng thang đo thông qua việc lựa chọn tài liệu dựa trên các tiêu chí đánh giá<sup>25</sup>. Sau quá trình đánh giá và lựa chọn, các thang đo được xây dựng sao cho phù hợp với các khái niệm trong mô hình nghiên cứu và được đánh giá tiếp tục thông qua phương pháp chuyên gia. Ikart cho rằng việc lấy ý kiến chuyên gia trong quá trình xây dựng thang đo giúp gia tăng độ tin cậy của thang đo trong quá trình tiến khảo sát<sup>26</sup>. Sau 02 vòng trao đổi, 24 biến quan sát được lựa chọn, hiệu chỉnh và thống nhất bởi các chuyên gia và nhóm tác giả nhằm đo lường các biến độc lập và biến phụ thuộc được trình bày trong Bảng 1. Ngoài ra, nhóm tác giả đã tiến hành điều tra thử nghiệm với 30 người dân đang sinh sống tại Phan Thiết nhằm đảm bảo tính khả thi của bảng hỏi được phát triển.

#### Giai đoạn 2: Tiến hành khảo sát chính thức

Về cỡ mẫu nghiên cứu, hiện chưa có sự thống nhất giữa các học giả về việc xác định cỡ mẫu phù hợp để đảm bảo độ tin cậy cho một nghiên cứu cụ thể vì việc xác định cỡ mẫu còn phụ thuộc vào tổng thể nghiên cứu, nội dung, phương pháp và kỹ thuật xử lý dữ liệu<sup>27</sup>. Theo Watkins, kích thước mẫu tối thiểu nên nằm trong khoảng từ 100 đến 200 quan sát để đảm bảo tính ổn định của phân tích<sup>28</sup>. Tuy nhiên, do nghiên cứu này áp dụng các kỹ thuật phân tích hồi quy, nhóm tác giả đã tham khảo hướng dẫn của Green, theo đó cỡ mẫu tối thiểu nên được tính theo

**Bảng 1: Kết quả xây dựng thang đo (Nguồn: Nhóm tác giả)**

| Mã thang đo                      | Biến quan sát                                                                                                                               | Nguồn        |
|----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| Nguyễn vọng của người dân (NVND) |                                                                                                                                             |              |
| NVKT1                            | Tôi mong việc phát triển du lịch sẽ tạo nhiều việc làm phù hợp với thói quen sinh sống của người dân.                                       | 8,9,11,12,18 |
| NVKT2                            | Tôi mong gia đình tôi sẽ có thêm thu nhập nhờ phát triển du lịch.                                                                           |              |
| NVKT3                            | Tôi mong kinh tế địa phương được mạnh lên nhờ phát triển du lịch gắn với thế mạnh về biển.                                                  |              |
| NVXH1                            | Tôi mong việc phát triển du lịch sẽ không làm mất đi không gian sinh sống ven biển của người dân.                                           |              |
| NVXH2                            | Tôi mong việc phát triển du lịch sẽ giúp bảo tồn các giá trị văn hóa lâu đời của địa phương.                                                |              |
| NVXH3                            | Tôi mong phát triển du lịch sẽ giúp giữ gìn nếp sống, tập quán quen thuộc của người dân.                                                    |              |
| NVXH4                            | Tôi mong việc phát triển du lịch gắn với biển sẽ giúp đem lại bộ mặt mới và hiện đại cho địa phương.                                        |              |
| NVMT1                            | Tôi mong việc phát triển du lịch dựa trên thế mạnh về biển không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường bờ biển.                                  |              |
| NVMT2                            | Tôi mong việc phát triển các hoạt động du lịch biển sẽ không ảnh hưởng xấu đến hệ sinh thái biển (san hô, động vật biển...).                |              |
| NVMT3                            | Tôi mong rằng phát triển du lịch dựa trên thế mạnh về biển vừa giúp khai thác hiệu quả vừa không làm tổn hại đến các nguồn tài nguyên biển. |              |
| Các điều kiện thuận lợi (TLND)   |                                                                                                                                             |              |
| TLND1                            | Quy hoạch phát triển đô thị du lịch dựa trên thế mạnh về biển của Phan Thiết rõ ràng.                                                       | 4,18,19      |
| TLND2                            | Quy hoạch phát triển đô thị du lịch dựa trên thế mạnh về biển của Phan Thiết được công khai với người dân.                                  |              |
| TLND3                            | Chính quyền tôn trọng quyền sử dụng biển của người dân địa phương.                                                                          |              |
| TLND4                            | Chính quyền luôn thúc đẩy người dân tham gia vào việc phát triển du lịch Phan Thiết.                                                        |              |
| TLND5                            | Chính quyền có nhiều chính sách hỗ trợ để khuyến khích người dân địa phương tham gia vào phát triển du lịch.                                |              |
| Khả năng của người dân (KNND)    |                                                                                                                                             |              |
| KNND1                            | Tôi có hiểu biết về du lịch để có thể tham gia vào các kế hoạch phát triển du lịch.                                                         | 6,18,19      |
| KNND2                            | Tôi có thể thực hành tốt kỹ năng phục vụ du khách để có thể tham gia phát triển du lịch.                                                    |              |
| KNND3                            | Tôi có thể tự thiết kế và phát triển sản phẩm hoặc dịch vụ phù hợp với nhu cầu du khách đến Phan Thiết.                                     |              |
| KNND4                            | Tôi và gia đình có kinh nghiệm làm ăn trong lĩnh vực du lịch.                                                                               |              |
| KNND5                            | Tôi và gia đình tôi có đủ điều kiện về vốn để tổ chức kinh doanh phục vụ du khách                                                           |              |
| Sự tham gia của người dân (STG)  |                                                                                                                                             |              |
| STG1                             | Tôi quan tâm đến việc quy hoạch, kế hoạch phát triển đô thị và du lịch Phan Thiết.                                                          | 3,6,17       |
| STG2                             | Tôi sẵn sàng đóng góp ý kiến cho chính quyền về quy hoạch, kế hoạch phát triển đô thị và du lịch Phan Thiết.                                |              |
| STG3                             | Tôi sẵn lòng tham gia các hoạt động hỗ trợ phát triển đô thị và du lịch Phan Thiết dựa trên lợi thế về biển.                                |              |
| STG4                             | Tôi và gia đình có dự định/ kế hoạch kinh doanh phục vụ du khách đến Phan Thiết.                                                            |              |

công thức  $\geq 50 + 8m$ , trong đó  $m$  là số biến độc lập<sup>29</sup>. Với 20 biến độc lập, cỡ mẫu cần thiết cho nghiên cứu này là 210 quan sát. Tuy nhiên để đảm bảo tính đại diện, số mẫu được tăng lên 250 quan sát.

Quá trình khảo sát được thực hiện từ tháng 3/2025 đến tháng 5/2025 thông qua kỹ thuật chọn mẫu phi xác suất với sự kết hợp giữa chọn mẫu hạn ngạch và chọn mẫu chủ đích. Dựa trên kích thước mẫu đã xác định là 250 quan sát, số mẫu được phân bổ cho từng phường/xã theo đúng tỷ lệ dân số nhằm đảm bảo tính đại diện của cơ cấu dân cư. Đồng thời, kỹ thuật chọn mẫu chủ đích (purposive sampling) được áp dụng để lựa chọn các đối tượng khảo sát đáp ứng đầy đủ tiêu chí: (i) Từ 18 tuổi trở lên; (ii) Có thời gian cư trú tối thiểu 03 năm tại địa bàn; (iii) Có khả năng cung cấp thông tin và sẵn sàng tham gia trả lời bảng hỏi. Việc kết hợp hai kỹ thuật lấy mẫu như trên giúp nhà nghiên cứu dễ dàng tiếp cận đối tượng khảo sát, tiết kiệm thời gian và chi phí nhưng vẫn đảm bảo độ tin cậy của dữ liệu thu được<sup>27,30,31</sup>. Người tham gia khảo sát được yêu cầu nêu mức độ đồng ý của họ với các phát biểu được đưa ra, từ hoàn toàn không đồng ý đến hoàn toàn đồng ý dựa trên thang đo Linkert 5 điểm. Sau khi thu thập đủ số mẫu khảo sát, nhóm tác giả tiến hành mã hóa thông tin, nhập dữ liệu thu được vào phần mềm IBM SPSS statistics ver.26. Tiến trình xử lý dữ liệu sơ cấp bao gồm: Thống kê mô tả; Kiểm định độ tin cậy của thang đo; Phân tích nhân tố khám phá; Phân tích tương quan; Phân tích hồi quy tuyến tính bội.

## KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### Thống kê mô tả mẫu nghiên cứu

Đặc trưng của mẫu nghiên cứu được trình bày trong Bảng 2 cho thấy: Trong 250 bảng khảo sát thu được có 55,2% là nam và 44,8% là nữ. Về độ tuổi, từ 18-28 tuổi chiếm 31,2%, từ 29-45 chiếm 39,6%, từ 46-60 tuổi chiếm 27,2% và trên 60 tuổi chiếm 2%. Các đối tượng khảo sát đều sinh sống tại địa phương trên 03 năm và số lượng sinh sống trên 20 năm chiếm 52,8%. Bên cạnh đó, đối tượng có trình độ đại học chiếm 50,8%, dưới đại học chiếm 38% và 11,2% là đối tượng sau đại học. Nghề nghiệp của đối tượng khảo sát cũng đa dạng, trong đó học sinh/ sinh viên chiếm 22,8%, 31,2% là văn phòng, 18,8% là kinh doanh, nội trợ chiếm 3,6%, hưu trí 2% và làm việc tự do là 21,6%. Thu nhập của người dân ở mức trung bình, dưới 10 triệu chiếm 52,8% và trên 20 triệu chỉ chiếm 6,4%. Kết quả tương đối cân bằng giữa các đối tượng, đảm bảo độ tin cậy và tính đại diện của mẫu nghiên cứu.

### Kiểm định độ tin cậy của thang đo

Độ tin cậy của thang đo được đánh giá thông qua phương pháp nhất quán nội tại và giá trị hội tụ. Kết quả cho thấy toàn bộ các thang đo đều đạt Cronbach's Alpha > 0,6 và hệ số tương quan biến tổng > 0,3, chứng tỏ các biến quan sát có mức độ tương quan tốt với khái niệm nghiên cứu và đảm bảo độ tin cậy<sup>27,32</sup>, đồng thời các biến đủ điều kiện để tiến hành phân tích nhân tố.

Phân tích nhân tố khám phá được thực hiện với phép quay Promax (Principal Axis Factoring) cho ra kết quả KMO = 0,935 và Sig. Bartlett = 0,00 đối với biến độc lập và KMO = 0,776 với Sig. Bartlett = 0,00 đối với biến phụ thuộc, khẳng định dữ liệu phù hợp để thực hiện phân tích nhân tố khám phá và các biến có mối tương quan tuyến tính trong tổng thể<sup>32</sup>. Đồng thời, các nhân tố trích được đều có Eigenvalue > 1 và phương sai trích > 50%, chứng minh mô hình nhân tố có mức độ giải thích tốt được trình bày trong Bảng 3. Hệ số tải nhân tố của các biến đều > 0,5, đáp ứng giá trị hội tụ và phân biệt của thang đo. Bên cạnh đó, nhằm đánh giá khả năng tồn tại sai lệch phương pháp chung (Common Method Bias), nghiên cứu tiến hành kiểm định Harman's Single-Factor Test thông qua phân tích EFA không quay đối với toàn bộ các biến quan sát. Kết quả cho thấy không có một nhân tố đơn lẻ nào giải thích phần lớn tổng phương sai, do đó không có bằng chứng cho thấy sai lệch phương pháp chung ở mức nghiêm trọng<sup>32</sup>. Như vậy, các biến đạt yêu cầu và tiếp tục được sử dụng cho phân tích hồi quy ở bước tiếp theo.

### Kết quả kiểm định mô hình nghiên cứu

Kết quả phân tích hồi quy cho thấy mô hình đạt mức độ phù hợp tốt với  $R^2$  hiệu chỉnh = 0.518. Các biến độc lập gồm nguyện vọng của người dân (NVND), Khả năng của người dân (KNND) và Các điều kiện thuận lợi (TLND) giải thích được 51,8% biến thiên sự tham gia của người dân (STG) trong phát triển du lịch. Mô hình hồi quy có ý nghĩa thống kê ( $F = 90.064$ ; Sig. < 0.05) và không phát hiện hiện tượng tự tương quan phần dư (Durbin-Watson = 1.759). Đồng thời, kết quả xử lý dữ liệu cũng cho thấy phần dư chuẩn hóa có phân phối xấp xỉ chuẩn, không xuất hiện hiện tượng phương sai thay đổi, không vi phạm giả định tuyến tính và không phát hiện đa cộng tuyến nghiêm trọng giữa các biến ( $VIF < 5$ ). Trong đó, KNND là yếu tố có ảnh hưởng mạnh nhất đến STG ( $\beta = 0.408$ ), tiếp đến là NVND ( $\beta = 0.276$ ) và TLND ( $\beta = 0.184$ ). Do đó, các giả thuyết nghiên cứu đều được chấp nhận và kết quả được trình bày tại Bảng 4.

**Bảng 2: Kết quả đặc trưng nhân khẩu học (N = 250) (Nguồn: Nhóm tác giả)**

| Đặc trưng mẫu       |                                | Tần suất | Tỷ lệ |
|---------------------|--------------------------------|----------|-------|
| Giới tính           | Nam                            | 138      | 55,2  |
|                     | Nữ                             | 112      | 44,8  |
| Độ tuổi             | Từ 18-28 tuổi                  | 78       | 31,2  |
|                     | Từ 29-45 tuổi                  | 99       | 39,6  |
|                     | Từ 46-60 tuổi                  | 68       | 27,2  |
|                     | Trên 60 tuổi                   | 5        | 2     |
| Thời gian sinh sống | Từ 3-10 năm                    | 57       | 22,8  |
|                     | Từ 10-20 năm                   | 61       | 24,4  |
|                     | Trên 20 năm                    | 132      | 52,8  |
| Trình độ học vấn    | Dưới đại học                   | 95       | 38    |
|                     | Đại học                        | 127      | 50,8  |
|                     | Sau đại học                    | 28       | 11,2  |
| Nghề nghiệp         | Học sinh/ sinh viên            | 57       | 22,8  |
|                     | Văn phòng                      | 78       | 31,2  |
|                     | Kinh doanh                     | 47       | 18,8  |
|                     | Nội trợ                        | 9        | 3,6   |
|                     | Hưu trí                        | 5        | 2     |
|                     | Tự do                          | 54       | 21,6  |
| Thu nhập            | Dưới 10.000.000 VND            | 132      | 52,8  |
|                     | Từ 10.000.000 - 15.000.000 VND | 68       | 27,2  |
|                     | Từ 15.000.001 - 20.000.000 VND | 34       | 13,6  |
|                     | Trên 20.000.000 VND            | 16       | 6,4   |

### THẢO LUẬN

Kết quả kiểm định cho thấy cả ba yếu tố trong mô hình nghiên cứu đều có ảnh hưởng tích cực đến mức độ tham gia của người dân Phan Thiết trong phát triển du lịch. Điều này một lần nữa khẳng định quan điểm cốt lõi của lý thuyết MOA là hành vi chỉ được hình thành khi con người có động lực, điều kiện thuận lợi và năng lực để hành động<sup>6,16</sup>. Cụ thể:

*Yếu tố Khả năng của người dân* ( $\beta = 0.408$ ) là yếu tố ảnh hưởng mạnh nhất đến sự tham gia của người dân. Kết quả này trái ngược với nghiên cứu của Kunasekaran và cộng sự<sup>19</sup>, khi nhóm tác giả không chứng minh được năng lực người dân có vai trò quan trọng để thúc đẩy sự tham gia. Sự khác biệt giữa kết quả nghiên cứu này và nghiên cứu của Kanasekaran có thể được lý giải bởi sự khác nhau nằm ở cách tiếp cận thang đo. Trong khi Kanasekaran đo lường năng lực ở cấp độ cộng đồng với các phát biểu mang tính

khái quát, nghiên cứu này đo lường năng lực ở cấp độ cá nhân thông qua các chỉ báo cụ thể gắn với khả năng tham gia thực tế. Cách tiếp cận vi mô này giúp làm rõ mối liên hệ giữa năng lực cá nhân và hành vi tham gia, từ đó giải thích vì sao yếu tố khả năng có tác động mạnh trong mô hình nghiên cứu. Tuy nhiên kết quả của nghiên cứu này lại củng cố nhận định của Hung và cộng sự<sup>6</sup>, cùng Tosun<sup>15</sup>, khi cho rằng sự tham gia thực chất chỉ có thể diễn ra khi người dân có đủ năng lực, bao gồm kiến thức về du lịch, kỹ năng nghề và nguồn lực kinh tế. Điều này phản ánh bản chất của nhiều cộng đồng tại Phan Thiết: có mong muốn tham gia nhưng gặp rào cản về trình độ, vốn và khả năng kết nối với doanh nghiệp vẫn còn lớn.

*Yếu tố Nguyên vọng của người dân* ( $\beta = 0.276$ ) là yếu tố tác động mạnh thứ hai. Phát hiện này tương đồng với nghiên cứu của Sharma & Dyer<sup>11</sup> Kunasekaran và cộng sự<sup>19</sup>; Rasoolimanesh và cộng sự<sup>18</sup> cũng như Michael và cộng sự<sup>7</sup>, khi các tác giả cho rằng việc

**Bảng 3:** Kết quả kiểm định thang đo: Cronbach's Alpha, nhân tố khám phá (Nguồn: Nhóm tác giả)

| Biến quan sát                                              | Factor Loading | Eigenvalues | Phương sai trích |
|------------------------------------------------------------|----------------|-------------|------------------|
| Nguyên vọng của người dân (NVND): Cronbach's Alpha = 0.941 |                |             |                  |
| NVKT1                                                      | .758           | 9.678       | 48.390           |
| NVKT2                                                      | .689           |             |                  |
| NVKT3                                                      | .890           |             |                  |
| NVXH1                                                      | .766           |             |                  |
| NVXH2                                                      | .730           |             |                  |
| NVXH3                                                      | .710           |             |                  |
| NVXH4                                                      | .771           |             |                  |
| NVMT1                                                      | .849           |             |                  |
| NVMT2                                                      | .820           |             |                  |
| NVMT3                                                      | .724           |             |                  |
| Các điều kiện thuận lợi (TLND): Cronbach's Alpha = 0.885   |                |             |                  |
| TLND1                                                      | .723           | 1.247       | 6.236            |
| TLND2                                                      | .780           |             |                  |
| TLND3                                                      | .852           |             |                  |
| TLND4                                                      | .576           |             |                  |
| TLND5                                                      | .678           |             |                  |
| Khả năng của người dân (KNND): Cronbach's Alpha = 0.917    |                |             |                  |
| KNND1                                                      | .719           | 3.014       | 15.070           |
| KNND2                                                      | .755           |             |                  |
| KNND3                                                      | .885           |             |                  |
| KNND4                                                      | .956           |             |                  |
| KNND5                                                      | .826           |             |                  |
| Sự tham gia của người dân (STG): Cronbach's Alpha = 0.861  |                |             |                  |
| STG1                                                       | .858           | 2.825       | 70.627           |
| STG2                                                       | .741           |             |                  |
| STG3                                                       | .767           |             |                  |
| STG4                                                       | .755           |             |                  |

người dân ủng hộ và tham gia vào phát triển du lịch chịu tác động mạnh từ nhận thức lợi ích kinh tế, xã hội và môi trường. Tuy nhiên, ảnh hưởng này không phải là mạnh nhất, cho thấy nguyện vọng tích cực không tự chuyển hóa thành hành động nếu thiếu các điều kiện hỗ trợ và nền tảng năng lực của chính người dân. Kết quả này cũng phù hợp bối cảnh thực tế của Phan Thiết, nơi cộng đồng rất kỳ vọng du lịch biển đem lại thu nhập nhưng vẫn thận trọng trong tham gia do lo ngại nguy cơ mất sinh kế truyền thống và thiếu thông

tin quy hoạch.

*Yếu tố Các điều kiện thuận lợi* ( $\beta = 0.184$ ) là các điều kiện thuận lợi từ môi trường thể chế, cơ chế chính sách và hạ tầng hỗ trợ có ảnh hưởng cùng chiều đến sự tham gia của người dân nhưng mức độ tác động thấp nhất. Mặc dù có ý nghĩa thống kê, kết quả này cho thấy các chính sách khuyến khích sự tham gia và tiếp cận quyền lợi du lịch tại Phan Thiết chưa thực sự phát huy hiệu quả. Kết quả này cũng gần với nhận định của Eshliki và Kaboudi<sup>14</sup> khi cho rằng những

**Bảng 4: Kết quả kiểm định mô hình và phân tích hồi quy (Nguồn: Nhóm tác giả)**

| Model               | R                    | R Square  | Adjusted R Square | Std. Error of the Estimate | F Change | Sig. Change      | F                       | Durbin-Watson |
|---------------------|----------------------|-----------|-------------------|----------------------------|----------|------------------|-------------------------|---------------|
| 1                   | .723a                | .523      | .518              | .648                       | 90.064   | .000             |                         | 1.759         |
| Biến độc lập        | Hệ số chưa chuẩn hóa |           | Hệ số chuẩn hóa   | t                          |          | Sig. (P – value) | Collinearity Statistics |               |
|                     |                      | Std.Error | Beta              |                            |          |                  | Tolerance               | VIF           |
| Hằng số             | -9,11E-14            | .041      |                   | .000                       | 1.000    |                  | -                       | .041          |
|                     |                      |           |                   |                            |          |                  | 9,11E-14                |               |
| NVND                | .264                 | .066      | .276              | 4.028                      | .000     |                  | .264                    | .066          |
| KNND                | .394                 | .050      | .408              | 7.825                      | .000     |                  | .394                    | .050          |
| TLND                | .181                 | .073      | .184              | 2.467                      | .014     |                  | .181                    | .073          |
| Biến phụ thuộc: STG |                      |           |                   |                            |          |                  |                         |               |

hạn chế trong minh bạch thông tin và cơ chế tham vấn cộng đồng khiến người dân tham gia mang tính hình thức hơn là thực chất.

KẾT LUẬN VÀ HÀM Ý QUẢN TRỊ

Kết quả nghiên cứu cho thấy mức độ tham gia của người dân Phan Thiết trong phát triển đô thị du lịch hướng biển nhìn chung ở mức tích cực, song vẫn tồn tại khoảng cách đáng kể giữa mong muốn được tham gia và khả năng tham gia thực chất. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ hạn chế về năng lực, thông tin và cơ chế hỗ trợ, trong khi các điều kiện thể chế và kênh tham vấn vẫn mang tính hình thức. Do đó, để tăng cường sự tham gia hiệu quả và bền vững, các giải pháp khuyến nghị được đề xuất theo ba nhóm định hướng sau:

*Nâng cao năng lực và khả năng tham gia của người dân* : Khả năng là yếu tố có tác động mạnh nhất đến sự tham gia, phản ánh rằng việc giúp người dân có hiểu biết, có kỹ năng và đủ nguồn lực mới là điều kiện tiên quyết cho tham gia thực chất. Do vậy, chính quyền địa phương cần: Xây dựng chương trình đào tạo và bồi dưỡng kỹ năng cho cộng đồng Thành lập trung tâm hỗ trợ du lịch cho cộng đồng tại địa phương Tạo cơ chế hỗ trợ tài chính vì mô cho hộ dân ven biển có nhu cầu chuyển đổi nghề hoặc đầu tư mô hình du lịch nhỏ Thúc đẩy liên kết ba bên giữa chính quyền - doanh nghiệp - cộng đồng,

*Cải thiện điều kiện về thể chế và môi trường thuận lợi*: Yếu tố Các điều kiện thuận lợi tuy có hệ số tác động thấp nhất ( $\beta = 0.184$ ) nhưng giữ vai trò kích hoạt các hình thức tham gia. Do đó, cần chuyển đổi từ mô hình tham vấn hình thức sang trao quyền và tham gia đồng quản lý, với các giải pháp: Thể chế hóa cơ chế tham

vấn cộng đồng trong mọi dự án du lịch; Quy hoạch ven biển hoặc quy hoạch sử dụng đất Tăng cường sự hiện diện của tổ chức cộng đồng Đưa tiêu chí “sự tham gia của cộng đồng” vào bộ tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả phát triển du lịch bền vững cấp địa phương. *Tăng cường động lực và niềm tin của người dân hướng tới phát triển du lịch bền vững*: Yếu tố nguyện vọng có ảnh hưởng đáng kể, cho thấy tinh thần ủng hộ và niềm tin của cộng đồng là nền tảng cho phát triển bền vững. Để củng cố yếu tố này, cần: Đẩy mạnh truyền thông và giáo dục cộng đồng về giá trị của phát triển du lịch bền vững Tôn vinh và lan tỏa các điển hình “công dân du lịch” đối với những cá nhân và hộ dân tham gia tích cực trong bảo tồn văn hóa - xã hội Khuyến khích người dân và doanh nghiệp phát triển sản phẩm du lịch gắn với bản sắc địa phương. Tuy nghiên cứu đã áp dụng thành công Mô hình MOA để đánh giá sự tham gia của người dân nhưng vẫn có một số hạn chế. *Một là* nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu hạn ngạch và chủ đích chưa đạt tính ngẫu nhiên và đại diện cao cho toàn bộ cư dân địa phương. *Thứ hai*, dù thang đo các khái niệm đã được kế thừa và điều chỉnh từ các nghiên cứu uy tín, song vẫn còn chịu ảnh hưởng chủ quan từ quá trình nội địa hóa thang đo. *Thứ ba là* mô hình hồi quy tuyến tính bội giải thích được 51,8% biến thiên của sự tham gia, điều này cho thấy có thể tồn tại các nhân tố tiềm ẩn khác chưa được đưa vào mô hình

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

- UBND: ủy ban nhân dân
- MOA (Motivation - Opportunity - Ability): Động lực - Cơ hội - Khả năng
- NVND: nguyện vọng người dân

NVKT: nguyện vọng kinh tế  
NVXH: nguyện vọng văn hóa - xã hội  
NVMT: nguyện vọng môi trường  
TLND: các điều kiện thuận lợi của người dân  
KNND: khả năng của người dân  
STG: ự tham gia của người dân  
SET (Social Exchange Theory): Lý thuyết Trao đổi xã hội  
TBP (Theory of Planned Behavior): Lý thuyết Hành vi có kế hoạch  
TRA (Theory of Reasoned Action): Lý thuyết Hành động hợp lý

## TUYÊN BỐ XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Bản thảo này không có xung đột lợi ích.

## TUYÊN BỐ ĐÓNG GÓP CỦA TÁC GIẢ

Tác giả Phạm Thị Thuý Nguyệt: lên ý tưởng, xây dựng khung lý thuyết nghiên cứu.

Tác giả Đỗ Anh Kiệt: phân tích dữ liệu nghiên cứu, viết và hoàn thiện bản thảo bài viết.

Tác giả Phan Sinh Tài: thu thập và xử lý dữ liệu nghiên cứu.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Buckley R. Sustainable tourism: research and reality. *Annals of Tourism Research*. 2012;39(2):528–46. Available from: <https://doi.org/10.1016/j.annals.2012.02.003>.
- Swarbrooke J. Sustainable tourism management. Repr. Wallingford, Oxon: CABI; 2011.
- Tosun C. Expected nature of community participation in tourism development. *Tourism Management*. 2006;27(3):493–504. Available from: <https://doi.org/10.1016/j.tourman.2004.12.004>.
- Simpson K. Strategic Planning and Community Involvement as Contributors to Sustainable Tourism Development. *Current Issues in Tourism*. 2001;4(1):3–41. Available from: <https://doi.org/10.1080/13683500108667880>.
- Yu CP, Chancellor HC, undefined Shu Tian Cole. (Simon), Chancellor HC, Shu Tian Cole. Measuring Residents' Attitudes toward Sustainable Tourism: A Reexamination of the Sustainable Tourism Attitude Scale. *Journal of Travel Research*. 2011;50(1):57–63. Available from: <https://doi.org/10.1177/0047287509353189>.
- Hung K, Sirakaya-Turk E, Ingram LJ. Testing the Efficacy of an Integrative Model for Community Participation. *Journal of Travel Research*. 2011;50(3):276–88. Available from: <https://doi.org/10.1177/0047287510362781>.
- Michael M, Mgonja JT, Backman KF. Desires of Community Participation in Tourism Development Decision Making Process: A Case Study of Barabarani, Mto Wa Mbu, Tanzania. *Am J Tour Res*. 2013;2(1):84–94. Available from: <https://doi.org/10.11634/216837861302319>.
- Wang M, Jiang J, Xu S, Guo Y. Community Participation and Residents' Support for Tourism Development in Ancient Villages: The Mediating Role of Perceptions of Conflicts in the Tourism Community. *Sustainability (Basel)*. 2021;13(5):2455. Available from: <https://doi.org/10.3390/su13052455>.
- Choi HS, Sirakaya E. Measuring Residents' Attitude toward Sustainable Tourism: Development of Sustainable Tourism Attitude Scale. *Journal of Travel Research*. 2005;43(4):380–94. Available from: <https://doi.org/10.1177/0047287505274651>.
- Perdue RR, Long PT, Allen L. Resident support for tourism development. *Annals of Tourism Research*. 1990;17(4):586–99. Available from: [https://doi.org/10.1016/0160-7383\(90\)90029-Q](https://doi.org/10.1016/0160-7383(90)90029-Q).
- Sharma B, Dyer P. Residents' involvement in tourism and their perceptions of tourism impacts. Gunasekaran A, editor *Benchmarking Int J*. 2009;16(3):351–71. Available from: <https://doi.org/10.1108/14635770910961371>.
- Nunkoo R, Ramkissoon H. Small island urban tourism: a residents' perspective. *Current Issues in Tourism*. 2010;13(1):37–60. Available from: <https://doi.org/10.1080/13683500802499414>.
- Muganda M, Sirima A, Ezra PM. The Role of Local Communities in Tourism Development: grassroots Perspectives from Tanzania. *Journal of Human Ecology (Delhi, India)*. 2013;41(1):53–66. Available from: <https://doi.org/10.1080/09709274.2013.11906553>.
- Eshliki SA, Kaboudi M. Community Perception of Tourism Impacts and Their Participation in Tourism Planning: A Case Study of Ramsar, Iran. *Procedia: Social and Behavioral Sciences*. 2012;36:333–41. Available from: <https://doi.org/10.1016/j.sbspro.2012.03.037>.
- Tosun C. Towards a Typology of Community Participation in the Tourism Development Process. *Anatolia*. 1999;10(2):113–34. Available from: <https://doi.org/10.1080/13032917.1999.9686975>.
- MacInnis DJ, Jaworski BJ. Information Processing from Advertisements: Toward an Integrative Framework. *Journal of Marketing*. 1989;53(4):1–23. Available from: <https://doi.org/10.1177/002224298905300401>.
- Fan P, Ren L, Zeng X. Resident Participation in Environmental Governance of Sustainable Tourism in Rural Destination. *Sustainability (Basel)*. 2024;16(18):8173. Available from: <https://doi.org/10.3390/su16188173>.
- Rasoolimanesh SM, Jaafar M, Ahmad AG, Barghi R. Community participation in World Heritage Site conservation and tourism development. *Tourism Management*. 2017;58:142–53. Available from: <https://doi.org/10.1016/j.tourman.2016.10.016>.
- Kunasekaran P, Rasoolimanesh SM, Wang M, Ragavan NA, Hamid ZA. Enhancing local community participation towards heritage tourism in Taiping, Malaysia: application of the Motivation-Opportunity-Ability (MOA) model. *Journal of Heritage Tourism*. 2022;17(4):465–84. Available from: <https://doi.org/10.1080/1743873X.2022.2048839>.
- Andereck KL, Valentine KM, Knopf RC, Vogt CA. Residents' perceptions of community tourism impacts. *Annals of Tourism Research*. 2005;32(4):1056–76. Available from: <https://doi.org/10.1016/j.annals.2005.03.001>.
- Bayton JA. Motivation, Cognition, Learning—Basic Factors in Consumer Behavior. *Journal of Marketing*. 1958;22(3):282–9. Available from: <https://doi.org/10.2307/1247119>.
- UBTVQH. Nghị quyết số 1253NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2023–2025. Hà Nội+; 2023.
- Roopa S, Rani M. Questionnaire Designing for a Survey; 2012. Available from: <https://doi.org/10.1177/0974909820120509S>.
- Poudel S, Gyan PN, Budruk M. Stakeholders' Perspectives of Sustainable Tourism Development- A New Approach to Measuring Outcomes.pdf [Internet]; 2014. Available from: <https://doi.org/10.1177/0047287514563166;https://journals.sagepub.com/doi/abs/10.1177/0047287514563166>.
- Rother ET. Revisão sistemática X revisão narrativa. *Acta Paulista de Enfermagem*. 2007;20(2):v–vi. Available from: <https://doi.org/10.1590/S0103-21002007000200001>.
- Ikart EM, undefined Emmanuel M Ikart. Survey Questionnaire Survey Pretesting Method: An Evaluation of Survey Questionnaire via Expert Reviews Technique. *Asian J Soc Sci Stud*. 2019;4(2):1. Available from: <https://doi.org/10.20849/ajsss.v4i2.565>.
- Kothari CR, Daryaganj: New Age International. Research Methodology: Methods and Techniques; 2004. 2nd ed.

28. Watkins MW. Exploratory Factor Analysis: A Guide to Best Practice. *The Journal of Black Psychology*. 2018;44(3):219–46. Available from: <https://doi.org/10.1177/0095798418771807>.
29. Green SB. How Many Subjects Does It Take To Do A Regression Analysis. *Multivariate Behavioral Research*. 1991;26(3):499–510. Available from: [https://doi.org/10.1207/s15327906mbr2603\\_7](https://doi.org/10.1207/s15327906mbr2603_7).
30. Martín HS, Sánchez MMDLS, Herrero A. Residents' attitudes and behavioural support for tourism in host communities. *Journal of Travel & Tourism Marketing*. 2018;35(2):231–43. Available from: <https://doi.org/10.1080/10548408.2017.1357518>.
31. Etikan I. Sampling and Sampling Methods. *Biom Biostat Int J*. 2017;5(6). Available from: <https://doi.org/10.15406/bbij.2017.05.00149>.
32. Hair JF, Black WC, Babin BJ, Anderson RE. *Multivariate data analysis*. Andover, Hampshire: Cengage; 2019.

# Residents' Participation in Phan Thiet's Tourism Development: A n MOA Model Approach

Do Anh Kiet<sup>1,\*</sup>, Pham Thi Thuy Nguyet<sup>1</sup>, Phan Sinh Tai<sup>2</sup>



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

## ABSTRACT

This study analyzes the factors influencing the participation of Phan Thiet residents in tourism development based on a modified Motivation – Opportunity – Ability model tailored to the local context. A survey was conducted with 250 long-term residents using measurement scales developed from a synthesis of existing literature and validated through expert review as well as pilot testing prior to official implementation. The results indicate that the Motivation – Opportunity – Ability model explains residents' participatory behaviour effectively (Adjusted  $R^2 = 0.518$ ), in which Ability is the strongest influencing factor, followed by Motivation and Opportunity. Although residents have positive perceptions of the benefits of tourism, limitations in skills, knowledge, financial capacity, and the lack of transparency in participatory mechanisms continue to reduce their actual level of involvement. This study contributes by empirically testing the MOA model in the context of a coastal urban tourism destination and clarifying the role of each factor group in shaping participation behaviour. Based on these findings, the study proposes recommendations and policy implications aimed at strengthening, supporting, and enhancing community participation in local tourism development.

**Key words:** resident's aspirations, participation, tourism development, MOA model

<sup>1</sup>University of Social Sciences and Humanities, VNUHCM, Vietnam

<sup>2</sup>Dalat University, Vietnam

## Correspondence

**Do Anh Kiet**, University of Social Sciences and Humanities, VNUHCM, Vietnam

Email: kietda1712@gmail.com

## History

- Received: 05-01-2026
- Revised: 24-04-2026
- Accepted: 12-06-2026
- Published Online: 28-09-2026

**DOI :** <https://doi.org/10.32508/vnuhcmjssh.v10i3.1266>



## Copyright

© VNUHCM Journal . This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.

**Cite this article :** Kiet D A, Nguyet P T T, Tai P S. **Residents' Participation in Phan Thiet's Tourism Development: A n MOA Model Approach.** *VNUHCMJ. Soc. Sci. Humanit.* 2026;10(3):4181-4192.